TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 55/2019/HNGĐ-PT Ngày: 27-3-2019 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà **Phạm Thị Hoàng Phúc**

Các Thẩm phán: 1. Bà **Mai Vân Anh**

2. Ông **Nguyễn Hồng Lam**

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông **Nguyễn Văn Quyền**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà ***Trần Thị Ngoan*** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 229/2018/TLPT-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2018 về việc Ly hôn và tranh chấp về nuôi con.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 36/2018/HNGĐ-ST ngày 20/9/2018 của Tòa án nhân dân quận C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐPT-HNGĐ ngày 21/02/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2019/QĐ-PT/HNGĐ ngày 05/3/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2019/QĐ-PT/HNGĐ ngày 21/3/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông ***Lê Văn C***, sinh năm 1970; cư trú tại: Số nhà 34 ngách 43/66 ngõ 110 đường T, tổ 35 phường H, quận C, thành phố Hà Nội. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

1. Bà ***Phan Thị Lam H***; luật sư Đoàn luật sư thành phố H; nơi hành nghề: Công ty luật TNHH Đ; địa chỉ: Tòa nhà H, số 1 N, phường C, quận T, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt)

2. Ông ***Nguyễn Ngọc Đ***; luật sư Đoàn luật sư thành phố H; nơi hành nghề: Công ty luật TNHH Đ; địa chỉ: Tòa nhà H, số 1 N, phường C, quận T, thành phố Hà Nội. (Có mặt)

Bị đơn: Bà ***Trần Thị Thanh H***, sinh năm 1981; cư trú tại: Số nhà 34

ngách 43/66 ngõ 110 đường T, tổ 35 phường H, quận C, thành phố Hà Nội. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông ***Lê Văn L***, luật sư Đoàn luật sư thành phố H; nơi hành nghề: Văn phòng luật sư L; địa chỉ: Phòng 2512 Tòa nhà C khu đô thị K, phường Đ, quận H, thành phố Hà Nội. (Có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông ***Lê Văn C***, sinh năm 1957; nơi đăng ký hộ khẩu: Số nhà 34 ngách 43/66 ngõ 110 đường T, tổ 35 phường H, quận C, thành phố Hà Nội; nơi tạm trú: thôn C, xã M, huyện V, tỉnh N (Vắng mặt)

Người kháng cáo: Bị đơn bà Trần Thị Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Ông Lê Văn C và bà Trần Thị Thanh H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 04/3/2004, tại UBND phường K, quận Đ, thành phố Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà 34, tổ 35, phường H, quận C, thành phố Hà Nội đến khoảng đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn.

Theo ông C nguyên nhân là do bà H xúc phạm bố mẹ chồng, không tin tưởng và coi thường chồng, hai bên bất đồng quan điểm sống dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Vợ chồng ly thân từ đầu năm 2017 đến nay, cả hai vẫn ở chung nhà nhưng mọi sinh hoạt, kinh tế đều riêng biệt không ai quan tâm đến ai. Cuối năm 2017, do mâu thuẫn căng thẳng, vợ chồng xảy ra cãi vã xô sát trầm trọng, ông đã quăng quật, vứt quần áo của bà H, bà H đã gọi công an phường H vào giải quyết với lý do ông đánh bà H. Thực tế không có việc ông đánh bà H nên công an phường không xử lý gì mà chỉ bắt ông viết kiểm điểm và cam kết. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H để ổn định cuộc sống.

Theo bà H, đến cuối năm 2017, ông C xin ly hôn bà vì lý do bà chửi bới bố mẹ ông C, bà có trao đổi việc gia đình với ông C thì ông C tát vào đầu bà, bà đã gọi công an phường H vào giải quyết. Kể từ đó đến nay, vợ chồng sống ly thân, không ăn chung, ngủ chung, không quan tâm đến nhau. Bản thân bà cũng nhận thấy cuộc sống vợ chồng không hoàn toàn hạnh phúc, bà cũng không có giải pháp nào để níu kéo cuộc sống gia đình. Tuy nhiên, do sức khỏe bà yếu, suy thận mãn do nhiễm độc thai nghén; loãng xương nặng, đã phải thay khớp háng tháng 9/2016 do tai nạn giao thông nên bà mong muốn vợ chồng đoàn tụ để bà có điểm tựa, con có bố. Bà không muốn ly hôn, đề nghị Tòa án hòa giải để hai vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Ông Lê Văn C và bà Trần Thị Thanh H có 01 con chung là Lê Linh C, sinh ngày 30/12/2004 (nữ), đang sống cùng vợ chồng.

Sau ly hôn ông C có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, nhưng vì bà H ốm đau, bệnh tật nên ông đồng ý để con ở cùng bà H để còn chăm sóc mẹ. Ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng vì kể từ trước đến giờ, ông vẫn là người lo lắng chu cấp cho con. Hiện ông đang làm hợp đồng tại Công ty CP tư vấn thiết kế C, 278 phố T, Hà Nội, lương mỗi tháng 5 triệu đồng.

Nếu phải ly hôn thì bà H xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Bà đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con mà ông C đưa ra là 2.000.000 đồng/01 tháng. Hiện bà đang điều trị bệnh, đau ốm nên không có thu nhập gì.

Về tài sản chung: Hai vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chỗ ở: Hiện nay vợ chồng ông đang ở nhờ nhà của bố đẻ ông C là Lê Văn C tại nhà 34 ngách 43/66 ngõ 110 đường T, tổ 35 phường H, quận C, thành phố Hà Nội. Đây là nhà thuộc sở hữu của bố ông C mua từ trước khi vợ chồng ông kết hôn. Quá trình ở tại đây, vợ chồng ông bà không có công sức xây dựng, sửa chữa gì. Sau ly hôn ông và bà H phải tự lo chỗ ở. Bà H không có chỗ ở nào khác nên nếu ly hôn thì bà đề nghị ông C tạo điều kiện cho bà được ở tại căn nhà đó, nếu không thì đề nghị ông C mua cho bà và con gái 1 căn hộ có diện tích 40m^2 để ổn định cuộc sống.

Ông Lê Văn C là bố đẻ ông C trình bày về nhà đất tại địa chỉ số nhà 34,tổ 35, phường H, quận C, Hà Nội là tài sản của riêng ông. Mảnh đất trên được ông mua vào năm 2000, đến năm 2001 thì ông xây căn nhà 03 tầng như hiện nay. Đến năm 2002 thì ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở. Do ông ốm đau không thường xuyên ở Hà Nội nên đã cho ông C đứng tên cùng trong Giấy chứng nhận chứ bản thân ông C không có đóng góp, công sức gì đối với nhà đất này. Sau khi ông C và bà H cưới nhau thì ông đã tạo điều kiện cho ông bà ở nhờ nhà đất của ông. Nay ông bà ly hôn thì ông đề nghị ông C, bà H phải tự lo chỗ ở. Bản thân ông đang phải chữa bệnh nên có thể sẽ phải bán nhà đất này, nếu bà H phải đi thuê nhà thì ông sẽ hỗ trợ bà H mỗi tháng 1.000.000 đồng tiền thuê nhà trong thời gian 03 năm, tương đương 36.000.000 đồng, còn ông C sẽ về quê ở với ông. Do sức khỏe, tuổi cao, ông đề nghị Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng và xét xử vắng mặt ông.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 36/2018/HNGĐ-ST ngày 20/9/2018 của Tòa án nhân dân quận C đã xử: Chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Lê Văn C. Ông C được ly hôn bà H. Giao con chung cho bà H nuôi dưỡng, ông C cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng. Bà H được lưu cư trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật tại tầng 1 nhà số 34 ngách 43/66 ngõ 110 đường T, tổ 35 phường H, quận C, thành phố Hà Nội. Hết thời hạn lưu cư, bà H phải tự chuyển ra khỏi nhà đất trên, trả lại nhà đất cho ông C và ông C. Ghi nhận sự tự nguyện của ông C hỗ trợ bà H 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng) kể từ ngày hết thời hạn lưu cư để bà H tự lo chỗ ở mới.

Không đồng ý bản án trên, bà H kháng cáo yêu cầu Tòa án bác đơn ly hôn của ông C với lý do: Bà vẫn yêu thương chồng; bà vẫn quan tâm chăm sóc ông C nhưng ông C từ chối; vợ chồng không sống ly thân vẫn sống cùng một nhà; bà phải chịu hy sinh, mất mát, mắc bệnh hiểm nghèo là vì sinh con; bà không làm điều gì sai trái, luôn tôn trọng chồng và gia đình chồng; nay bà đang mắc bệnh hiểm nghèo, không tự đi lại được, thời gian sống không lâu, rất cần có chồng để yên tâm chữa bệnh.

Ông C đề nghị Tòa án giữ nguyên án sơ thẩm vì tình trạng hôn nhân đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống không có hạnh phúc, không thể kéo dài; tuy vợ chồng vẫn sống cùng một nhà nhưng đã sống ly thân từ năm 2017, sinh hoạt và kinh tế riêng biệt, không ai quan tâm đến ai. Kể từ khi bà H bị bệnh đến nay, ông và gia đình đã rất quan tâm, chăm sóc, chữa bệnh cho bà H; bố mẹ ông đã già, không còn khả năng lao động, ốm đau bệnh tật và theo quy định của pháp luật không có trách nghiệm, nghĩa vụ phải chăm sóc, động viên bà H yên tâm điều trị bệnh nhưng vẫn tạo điều kiện cho bà H lưu cư một thời gian, hết thời gian lưu cư còn hỗ trợ bà H 36 triệu đồng để lo chỗ ở khác; hiện ông là nhân viên hợp đồng với thu nhập sau khi trừ bảo hiểm chỉ còn hơn 5 triệu đồng/tháng, phải cấp dưỡng nuôi con 2 triệu đồng/tháng nên không có khả năng cấp dưỡng cho bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Tòa án tiếp tục hòa giải nhưng ông C không rút đơn khởi kiện; luật sư của nguyên đơn đề nghị Tòa án căn cứ Điều 19, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử giữ nguyên án sơ thẩm.

Bà H đề nghị Tòa án bác đơn ly hôn của ông C để vợ chồng đoàn tụ nhưng bà không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng; nếu phải ly hôn bà yêu cầu ông C cấp dưỡng cho bà 1/3 tháng lương. Luật sư bên bị đơn cho rằng ông C không đưa ra được chứng cứ chứng minh hôn nhân đã mâu thuẫn trầm trọng nên đề nghị Tòa án sửa án sơ thẩm, bác đơn ly hôn của ông C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 2 Điều 308 Bộ luật dân sự xử sửa án sơ thẩm về phần cấp dưỡng, buộc ông C phải cấp dưỡng cho bà H trong khả năng của mình để bà H ổn định cuộc sống sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 115 Luật hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Trần Thị Thanh H làm trong thời hạn kháng cáo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Khoản 3 Điều 2 Luật hôn nhân và gia đình đã quy định nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình là vợ chồng cùng nhau xây dựng gia đình

ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Do bị nhiễm độc thai nghén khi sinh con thứ 2, từ năm 2006 đến nay, bà H bị suy thận mãn phải thường xuyên chạy thận, loãng xương rồi lại bị tai nạn phải thay khớp háng năm 2016 dẫn đến mất khả năng lao động, khả năng đi lại. Ông C vẫn chăm sóc, yêu thương và động viên bà H chữa bệnh với hy vọng sức khỏe của bà H sẽ tốt hơn. Tuy nhiên, sức khỏe của bà H ngày một yếu, trước còn đi lại được nay phải ngồi xe lăn nên không thể chăm sóc ông C và gia đình như trước, không thể thực hiện được các công việc trong gia đình dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Tính nết của bà H lại thay đổi do bệnh tật dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2017. Vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chia sẻ với nhau trong cuộc sống và kinh tế làm cho tình nghĩa vợ chồng không còn, vi phạm khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng đến mức đã có lần bà H lo sợ hành vi của ông C có thể làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tính mạng, sức khỏe của nên đã phải yêu cầu cơ quan công an và chính quyền địa phương can thiệp.

Khoản 3 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.* Tòa án 02 cấp đã cố gắng hòa giải nhưng ông C vẫn cương quyết xin ly hôn, bà H lại không có cách gì làm cho ông C thay đổi quyết định, cấp sơ thẩm xử cho ông C ly hôn với bà H là có căn cứ nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo đoàn tụ của bà H.

[3] Điều 115 Luật hôn nhân và gia đình có quy định nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn là khi ly hôn nếu bên khó khăn, túng thiếu có yêu cầu cấp dưỡng mà có lý do chính đáng thì bên kia có nghĩa vụ cấp dưỡng theo khả năng của mình. Bà H không còn khả năng lao động, không còn khả năng đi lại, hiện đang mắc bệnh hiểm nghèo rất khó khăn, túng thiếu nên chấp nhận yêu cầu của bà H về việc cấp dưỡng sau khi ly hôn. Xét khả năng của ông C nhận thấy thu nhập của Chiến là 5.808.000đ/tháng, đã phải cấp dưỡng cho con là 2.000.000đ/tháng, nên cần sửa án sơ thẩm buộc ông C cấp dưỡng cho bà H là 500.000đ/tháng kể từ tháng 4/2019 cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định của pháp luật.

[4] Bà H không có kháng cáo về việc nuôi và cấp dưỡng cho con chung, tài sản chung và quyền lưu cư của vợ chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét, giải quyết.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bác các yêu cầu khác của các đương sự là không đúng quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Ngoài việc phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, ông Lê Văn C còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do có nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên về phần này là thiếu sót.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 71, Điều 289, Điều 300, Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 2, 19, 56, 57, 58, 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Sửa bản án sơ thẩm.

- Về ly hôn: Chấp nhận đơn xin ly hôn của ông Lê Văn C. Ông Lê Văn C được ly hôn bà Trần Thị Thanh H.

- Về nuôi con: Giao con chung Lê Linh C sinh ngày 30/12/2004 cho bà Trần Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Văn C có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng:

Ông Lê Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng), kể từ tháng 9/2018 đến khi con chung thành niên.

Ông Lê Văn C có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bà Trần Thị Thanh H mỗi tháng 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), kể từ tháng 4/2019 cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định của pháp luật.

- Về chia tài sản khi ly hôn: Ông Lê Văn C và bà Trần Thị Thanh H không yêu cầu giải quyết về tài sản nên tòa án không xem xét giải quyết.

- Về quyền lưu cư của vợ chồng khi ly hôn:

Ông Lê Văn C tự lo chỗ ở, không yêu cầu nên tòa án không xem xét giải quyết.

Bà Trần Thị Thanh H được lưu cư tại tầng 1 nhà số 34 ngách 43/66 ngõ 110 đường T, tổ 35 phường H, quận C, thành phố Hà Nội trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Hết thời hạn lưu cư, bà H phải tự chuyển ra khỏi nhà đất trên, trả lại nhà đất cho ông Lê Văn C, ông Lê Văn C.

Ông Lê Văn C và ông Lê Văn C có trách nhiệm tạo điều kiện cho bà Trần Thị Thanh H được lưu cư tầng 1 nhà số 34 ngách 43/66 ngõ 110 đường T, tổ 35 phường H, quận C, thành phố Hà Nội với thời hạn theo quyết định của bản án.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lê Văn C hỗ trợ bà Trần Thị Thanh H số tiền 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng) kể từ ngày hết thời hạn lưu cư để bà H tự lo chỗ ở mới.

- Về án phí: Ông Lê Văn C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 5593 ngày 04/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận C. Ông Lê Văn C còn phải nộp số tiền là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Bà Trần Thị Thanh H được miễn giảm tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, không phải chịu án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKS NDTP Hà Nội
- Chi cục THA DS quận C
- Tòa án ND quận C.
- UBND phường K, quận Đ (Giấy CNKH số 26 quyển 01/2004)
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ
- Lưu trữ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hoàng Phúc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**